

Bản án số: 23/2020/HS-ST

Ngày: 19- 02-2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thanh Xuân.
2. Bà Nguyễn Thị Thúy Ngân.

- Thư ký phiên toà: Ông Phạm Thái Vũ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên toà: Ông Lê Bá Tuấn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HS ngày 06/02/2020; đối với bị cáo

Huỳnh Văn N, tên gọi khác: C; sinh ngày 03 tháng 10 năm 1993 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; nơi cư trú: 11/127 Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Văn D, con bà: Trần Thị H; vợ con: Chưa có.

Quá trình nhân thân: Nhỏ ở với gia đình, học đến lớp 9/12 thì nghỉ.

- Ngày 25/5/2011 bị Công an phường P, thành phố H xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”;

- Ngày 26/4/2012 bị Công an thành phố H xử phạt hành chính 750.000 đồng về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy”.

Tiền án: Có 01 tiền án. Ngày 19/9/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Huế xử phạt 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tiền sự: Có 01 tiền sự. Ngày 18/10/2019 bị Công an phường P, thành phố H xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi “Trộm cắp tài sản”

Bị bắt tạm giam ngày 23/10/2019, có mặt.

Bị hại:

1. Chị Bạch Thị Hoài T, sinh năm: 2000; địa chỉ: 13/72 Đ, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1999; địa chỉ: 05/69 kiệt 131 T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3. Chị Võ Thị Thảo N, sinh năm: 2001; địa chỉ: 25 đường A, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

4. Cháu Nguyễn Lê Hương G, sinh năm: 2006; địa chỉ: 01/82 N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

5. Chị Trần Thị Thanh B, sinh năm: 1997; địa chỉ: 142/02/27 N, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại cháu Nguyễn Lê Hương G: Ông Nguyễn Thanh P (bố ruột của cháu Gi); địa chỉ: 01/82 N, phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị N, sinh năm: 1959; địa chỉ: 04/47 đường D, phường T, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào các ngày 21/9/2019 đến ngày 22/10/2019 tại thành phố H, Huỳnh Văn N 05 lần trộm cắp tài sản, cụ thể như sau:

*** Vụ 1:** Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 21/9/2019, Huỳnh Văn N đột nhập vào dãy trọ số 13/72 Đ, phường P, thành phố H trộm cắp 01 chiếc xe đạp điện hiệu Yamaha màu hồng của chị Bạch Thị Hoài T đang dựng ở sân. Sau đó, N đưa xe đạp điện bán cho một người phụ nữ (không rõ tên tuổi, địa chỉ) lấy 1.000.000 đồng mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết. Tài sản không thu giữ được.

** Vật chứng:* Đối với xe đạp điện hiệu Yamaha màu hồng, N bán cho một người không rõ lai lịch với giá 1.000.000 nên không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 315/KL-HĐĐG ngày 02/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế kết luận, tại thời điểm bị chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp điện hiệu Yamaha màu hồng có trị giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

**Về trách nhiệm dân sự:* Chị Bạch Thị Hoài T yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn N bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Hiện bị cáo N chưa bồi thường cho chị T.

** Vụ 2:* Khoảng 12 giờ 20 phút ngày 17/10/2019, Huỳnh Văn N đột nhập vào nhà trọ số 05/69 kiệt 131 T, phường P, thành phố H trộm cắp 01 chiếc xe đạp điện hiệu Honda màu đỏ- đen của chị Nguyễn Thị T dựng tại nhà xe. Sau đó, N đưa xe đạp điện về đường A bán cho một người phụ nữ (không rõ tên tuổi, địa chỉ) lấy 1.000.000 đồng mua ma túy sử dụng và tiêu hết. Tài sản không thu giữ được.

** Vật chứng:* Đối với xe đạp điện hiệu Honda màu đỏ - đen, N bán cho một người không rõ lai lịch với giá 1.100.000 nên không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 268/KL-HĐĐG ngày 21/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế kết luận, tại thời điểm bị chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp điện hiệu Honda màu đỏ - đen có trị giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

**Về trách nhiệm dân sự:* Chị Nguyễn Thị T yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn N bồi thường số tiền 3.000.000 đồng. Hiện bị cáo N chưa bồi thường cho chị T.

** Vụ 3:* Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 17/10/2019, Huỳnh Văn N tiếp tục đột nhập vào khu nhà trọ số 25 đường A, phường T, thành phố H trộm cắp 01 chiếc xe đạp điện hiệu Yamaha Martin màu đỏ- đen của chị Võ Thị Thảo N. Sau đó, N đưa xe lên đường B (khu vực cầu L) thuộc địa phận phường Phường Đ bán cho một người phụ nữ mua bán phế liệu (không rõ tên tuổi, địa chỉ) lấy 1.100.000 đồng mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết. Tài sản không thu giữ được.

** Vật chứng:* Đối với xe đạp điện hiệu Yamaha Martin màu đỏ - đen, N bán cho một người phụ nữ mua bán phế liệu không rõ lai lịch với giá 1.100.000 nên không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 268/KL-HĐĐG ngày 21/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế kết luận, tại thời điểm bị chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp điện hiệu Yamaha Martin màu đỏ - đen có trị giá 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng).

**Về trách nhiệm dân sự:* Chị Võ Thị Thảo N yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn N bồi thường số tiền 5.000.000 đồng. Hiện bị cáo N chưa bồi thường cho chị N.

** Vụ 4:* Khoảng 17 giờ 30 phút ngày 20/10/2019, Huỳnh Văn N đột nhập vào tầng hầm quán cà phê H ở 209 T, phường T, thành phố H trộm cắp 01 chiếc xe đạp điện hiệu EXTER màu trắng của cháu Nguyễn Lê Hương G đưa về đường N cất giấu. Ngày hôm sau, N tháo bình điện đưa đến đường T gặp một người phụ nữ (không rõ tên tuổi, địa chỉ) bán với giá 300.000 đồng. Sau đó, N tiếp tục đưa chiếc xe đạp điện bán cho người phụ nữ này lấy thêm 700.000 đồng mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết. Tài sản không thu giữ được.

** Vật chứng:* Đối với xe đạp điện hiệu EXTER màu trắng, N bán cho một người phụ nữ không rõ lai lịch tổng cộng (bình điện trong xe + xe) với giá 1.000.000 nên không thu giữ được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 280/KL-HĐĐG ngày 30/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế kết luận, tại thời điểm bị chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp điện hiệu EXTER màu trắng có trị giá 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm ngàn đồng).

**Về trách nhiệm dân sự:* Cháu Nguyễn Lê Hương G cùng người đại diện hợp pháp là ông Nguyễn Thanh P (bố ruột của cháu Giang) yêu cầu bị cáo Huỳnh Văn N bồi thường số tiền 2.800.000 đồng. Hiện bị cáo N chưa bồi thường cho cháu G.

** Vụ 5:* Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 22/10/2019, Huỳnh Văn N điều khiển xe mô tô dạng Wave (mượn của một đối tượng tên N không rõ tên tuổi, địa chỉ) đến kiệt 44 đường H, phường A, thành phố H rồi dừng xe đột nhập vào quán Internet C ở Lô B10 kiệt 44 H, phường A, thành phố H trộm cắp 01 chiếc xe đạp điện hiệu Honda màu đen của chị Trần Thị Thanh B. Trên đường tẩu thoát N nhặt được 01 cái kim. N dùng kim cắt dây điện lấy bình điện ra, rồi quay về lấy xe mô tô chạy đến chõ bình điện đưa về cơ sở mua bán phế liệu số 198 N bán cho bà Lê Thị N lấy 320.000 đồng. Sau đó, N về đưa chiếc xe đạp điện đến bán tiếp cho bà N lấy 500.000 đồng mua ma túy sử dụng và tiêu xài hết. Chiếc kim sau khi cắt bình điện N đã vứt bỏ nên Cơ quan điều tra không thu hồi được.

** Vật chứng đã thu giữ:* 01 chiếc xe đạp điện hiệu Honda màu đen, vành đúc, số mô tô 48V1107245.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 277/KL-HĐĐG ngày 28/10/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố Huế kết luận, tại thời điểm bị chiếm đoạt 01 chiếc xe đạp điện hiệu Honda màu đen có trị giá 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

**Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:* Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Huế đã trả lại xe đạp điện hiệu Honda màu đen cho người bị hại chị Trần Thị Thanh B và không yêu cầu gì thêm. Bà Lê Thị N yêu cầu bị cáo N bồi thường số tiền 820.000 đồng. Hiện bị cáo N chưa bồi thường cho bà N.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKS- HS ngày 13 tháng 01 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế truy tố Huỳnh Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N từ 03 năm đến 03 năm 06 tháng tù.

Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường cho những người bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan số tiền chưa bồi thường.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự, án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo Huỳnh Văn N khai nhận từ ngày 21/9/2019 đến ngày 22/10/2019 đã 05 lần trộm cắp tài sản: Ngày 21/9/2019 tại 13/72 Đ, phường P, thành phố H N trộm cắp của chị Bạch Thị Hoài T 01 chiếc xe đạp hiệu Yamaha màu hồng trị giá 3.000.000 đồng. Ngày 17/10/2019 tại 05/69 kiệt 131 T, phường P, thành phố Huế N trộm cắp của chị Nguyễn Thị T 01 chiếc xe đạp điện hiệu Honda màu đỏ- đen trị giá 3.000.000 đồng. Ngày 17/10/2019 tại 25 Đường A, phường T, thành phố Huế N trộm cắp của chị Võ Thị Thảo N 01 chiếc xe đạp điện hiệu Yamaha Martin màu đỏ- đen có trị giá 5.000.000 đồng. Ngày 20/10/2019 tại 209 T, phường T, thành phố Huế N trộm cắp của cháu Nguyễn Lê Hương G một chiếc xe đạp điện hiệu EXTER màu trắng có trị giá 2.800.000 đồng. Ngày 22/10/2019 tại Lô B10 kiệt 44 H, phường A, thành phố H N trộm cắp của chị Trần Thị Thanh B một chiếc xe đạp điện hiệu Honda màu đen có trị giá 3.000.000 đồng. Theo kết luận của Hội đồng định giá tài sản, tổng trị giá tài sản N 05 lần trộm cắp tài sản là 16.800.000 đồng (Mười sáu triệu tám trăm ngàn đồng). Xét thấy, trong một thời gian ngắn, bị cáo đã thực hiện 05 vụ trộm cắp tài sản giá trị

16.800.000 đồng, mỗi vụ đều có tang số trên 2.000.000 đồng; bị cáo không có nghề nghiệp, trong thời gian phạm tội bị cáo sống lang thang không về nhà, gia đình không quản lý được. Sau khi lấy trộm tài sản bị cáo bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng nên đã phạm vào tình tiết định khung tăng nặng hình phạt là phạm tội “Có tính chất chuyên nghiệp” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[2] Về tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy: Bị cáo Huỳnh Văn N là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, xác định được hành vi của mình là trái pháp luật, nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Hành vi của bị cáo nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự địa phương, gây mất lòng tin trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu đã bị xử phạt hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản” và bị kết án về hành vi “Mua bán trái phép chất ma túy” nhưng vẫn không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn tiếp tục trộm cắp tài sản. Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong vụ án này bị cáo phạm tội hai lần trở lên, tái phạm được quy định điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xét thấy, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử giảm nhẹ cho bị cáo một phần vì thành khẩn khai báo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự;

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng là hợp pháp.

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án yêu cầu bồi thường, hiện bị cáo chưa bồi thường nên buộc bị cáo phải bồi thường cho: chị Bạch Thị Hoài T số tiền 3.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị T số tiền 3.000.000 đồng; chị Võ Thị Thảo N số tiền 5.000.000 đồng; cháu Nguyễn Lê Hương G số tiền 2.800.000 đồng; bà Lê Thị N số tiền 820.000 đồng. Tổng cộng 14.620.000 đồng.

[5]. Về án phí:

- Bị cáo phải nộp 200.000 đồng phí hình sự sơ thẩm và 731.000 đồng (14.620.000 đồng x 5%) án phí dân sự sơ thẩm. Tổng cộng: 931.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn N 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam 23/10/2019.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586 và 589 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự;

Buộc bị cáo Huỳnh Văn N phải bồi thường cho: Chị Bạch Thị Hoài T số tiền 3.000.000 đồng; chị Nguyễn Thị T số tiền 3.000.000 đồng; chị Võ Thị Thảo N số tiền 5.000.000 đồng; cháu Nguyễn Lê Hương G số tiền 2.800.000 đồng; bà Lê Thị N số tiền 820.000 đồng. Tổng cộng 14.620.000 đồng.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Huỳnh Văn N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 731.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành án không thi hành án đủ khoản tiền nói trên thì hàng tháng phải chịu thêm một khoản tiền do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự của số tiền nợ gốc chưa thanh toán.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp TT-Huế;
- VKSND tp. Huế;
- Công an tp. Huế
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Phòng PV 27 Công an Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THA dân sự tp.Huế;
- Hồ sơ vụ án.

Thái Thị Hồng Vân